TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2023/HSST
Ngày 13-07-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thúy Hảo
Ông Hồ Sĩ Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngần – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 07 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 158/2023/HSST ngày 01 tháng 06 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 06 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Hoàng V, sinh ngày 14-02-1974 tại tỉnh Nam Định; giới tính: Nữ; Nơi thường trú và nơi ở: Phòng B, Khu E tầng, đường N, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng G (chết) và bà Trần Thị V1 (chết); chồng Đào Danh T (chết); có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền sự - Tiền án: không; Bị bắt ngày 25 tháng 12 năm 2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (bị cáo có mặt).

Người bị hại:

- Bà Phạm Thị Mai P, sinh năm 1962 - Địa chỉ: Số B N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 - Địa chỉ: Số A Đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người làm chứng:

- Ông Trương Doãn M, sinh năm 1970 - Địa chỉ: Số I đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

- Anh Trương Doãn N, sinh năm 1995 - Địa chỉ: Số I Đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

- Anh Đào Minh T1, sinh năm 1997- Địa chỉ: Phòng A, Khu E tầng, đường N, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cho cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 01-2021 đến tháng 7-2021, Nguyễn Thị Hoàng V đã đưa ra những thông tin gian dối để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại trên địa bàn thành phố V, nội dung cụ thể như sau:

Ông Trương Doãn M có con là Trương Doãn Chí D; bà Phạm Thị Mai P có con là Lê Phạm T2; bà Nguyễn Thị H có con là Lương Nhân H1. Bản án số 276/2020/HSST ngày 09-12-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã xử phạt Lê Phạm T2, Lương Nhân H1, Trương Doãn Chí D về tội "Gây rối trật tự công cộng"; xử phạt Lê Phạm T2 03 năm 06 tháng tù, xử phạt Lương Nhân H1 02 năm tù, xử phạt Trương Doãn Chí D 15 tháng tù.

Do con trai ông Trương Doãn M là Trương Doãn N quen biết con trai của Nguyễn Thị Hoàng V là Đào Minh T1 nên ông M hỏi Nguyễn Thị Hoàng V có quen biết ai để xin giảm án cho D khi xét xử phúc thẩm không. Bà Phạm Thị Mai P (mẹ của Lê Phạm T2) và bà Nguyễn Thị H (mẹ của Lương Nhân H1) thông qua ông M biết việc V nhận chạy án nên cũng nhờ V lo giảm án cho T2 và H1.

Vào khoảng tháng 01-2021, V gọi điện thoại cho bà P và bà H hẹn đến một quán cà phê tại phường A, thành phố V. Tại đây, V tự giới thiệu với bà P và bà H là V quan hệ rộng, quen biết nhiều người để xin nộp phạt, xin giảm nhẹ cho T2 và H1. Bà P và bà H tin là thật nên đã nhiều lần giao tiền cho V. Mặc dù không xin giảm án được cho T2 và H1, nhưng V vẫn nhận tiền của bà P và bà H.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Phạm Thị Mai P:

Sau khi gặp bà P tại quán cà phê ở phường A, thành phố V, V liên lạc với bà P, yêu cầu đưa tiền để V lo cho T2, cụ thể:

Ngày 01-03-2021, bà P đưa cho V số tiền 20.000.000 đồng tại Phòng B, Khu E tầng, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để V lo xét xử phúc thẩm, phạt hành chính cho T2 (V có viết biên nhận cho bà P).

Thời gian sau, V nói với bà P do T2 là chủ mưu trong vụ án nên cần nhiều tiền hơn nên ngày 18-03-2021, V đến chỗ bán hàng của bà P tại khu vực chung cư L, thành phố V nói bà P đưa cho V 10.000.000 đồng (V cũng viết biên nhận giao cho bà P).

Sau đó, V tiếp tục nói với bà P cần đưa tiền cho người này, người kia để lo để lo giảm án cho T2 khi xét xử phúc thẩm nên bà P tiếp tục giao tiền cho V, cụ thể: Ngày 25-03-2021 giao 3.000.000 đồng; Ngày 20-04-2021 giao 5.000.000 đồng; Ngày 04-07-2021, giao 43.000.000 đồng.

Đến tháng 01-2022, V tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối nói với bà P đã lo cho cháu T2 trong việc xét xử phúc thẩm rồi, không phải đi trại nhưng phải đóng tiền một tháng 2.000.000 đồng. V nói với bà P là Công an đang cần người coi tù trên P, V sẽ xin cho T2 làm, sau đó cứ lấy số tiền đi làm được đóng một tháng 2.000.000 đồng, nhưng bà P phải đưa tiền để V mua hồ sơ xin việc cho T2. Bà P tin tưởng V nên ngày 17-01-2022, bà P đã đưa cho V tổng số tiền là 15.700.000 đồng (V viết thêm số tiền này vào giấy biên nhận tiền cho bà P).

Thấy bà P vay lãi bên ngoài nhiều, V nói sẽ giúp bà P bảo lãnh để vay 500.000.000 đồng, thời gian hẹn là 01 tháng. Để làm hồ sơ, V nói bà P đưa tiền cho V để làm thủ tục vay gồm: sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận độc thân. Tổng số tiền V nhận của bà P để giúp bà P vay Ngân hàng là 42.000.000 đồng.

Trong quá trình lo giảm án cho T2, V thấy bà P có giấy tờ liệt sỹ của anh bà P, giấy thương binh của mẹ bà P, giấy thương binh của chị bà P nên V tiếp tục nói với bà P đưa các giấy trên để V lo xin suất nhà đất theo chế độ gia đình thương binh liệt sỹ. Bà P tiếp tục tin tưởng V nên đã đưa tiền cho V nhiều lần, tổng số tiền đã đưa cho V để lo xin xuất nhà đất là 105.300.000 đồng.

Trong thời gian từ ngày 02-04-2021 đến ngày 15-05-2021, V tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối, nhận thêm 31.000.000 đồng của bà P để lo thủ tục ly hôn của bà P với ông Lê Quang P1 (chồng của bà P) nhưng V không thực hiện giúp bà P ly hôn mà chiếm đoạt luôn số tiền này.

Sau khi nhận tất cả các khoản tiền nêu trên của bà P, V không thực hiện như thông tin đã hứa với bà P mà sử dụng toàn bộ số tiền trên để tiêu xài cá nhân hết. Khi bà P yêu cầu V trả lại tiền thì V nhắn các thông tin gian dối qua

ứng dụng Zalo với bà P. Tổng số tiền V chiếm đoạt của bà P là 275.000.000 đồng (gồm các khoản: lo giảm án và xin việc cho T2 96.700.000 đồng; Lo thủ tục vay Ngân hàng 42.000.000 đồng; Lo xin suất nhà đất theo chế độ ưu tiên 105.300.000 đồng; Lo thủ tục ly hôn cho bà P 31.000.000 đồng).

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị H:

Khoảng đầu năm 2021, V cũng nói với bà H về việc V có quen biết với người lo giảm án được cho H1, V sẽ giúp cho H1 chỉ phải đóng tiền phạt mà không phải đi tù. Bà H tin tưởng V nên vào đầu năm 2021, bà H đến nơi ở của V tại số phòng B khu E tầng, phường G, thành phố V đưa 14.000.000 đồng cho V. Sau đó vài ngày, V nói bà H đưa thêm tiền để lo giảm án cho H1 và V đã nhận thêm 10.000.000 đồng của bà H tại quán B tại số I Đường C, phường A, thành phố V. Tổng số tiền V nhận của bà H để lo giảm án cho H1 là 24.000.000 đồng.

Trong thời gian đợi V lo giảm án cho H1, V nói với bà H là bộ đội đang tuyển dụng nghĩa vụ quân sự tại huyện C, V hỏi bà H có đồng ý lo tiền cho H1 đi bộ đội không, bà H đồng ý nên đã nhiều lần đưa tiền cho V cụ thể như sau: Ngày 27-2-2021 đưa 16.000.000 đồng, ngày 09-3-2021 đưa 10.000.000 đồng, ngày 22-03-2021 đưa 4.000.000 đồng, ngày 24-03-2021 đưa 3.000.000 đồng, ngày 27-03-2021 đưa 5.000.000 đồng, ngày 09-04-2021 đưa 9.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H đã đưa cho V để lo cho H1 đi nghĩa vụ quân sự là 47.000.000 đồng.

Sau khi nhận được số tiền trên của bà H để lo cho H1 đi nghĩa vụ quân sự, V không thực hiện mà V nói với bà H là do dịch bệnh chưa hoàn tất được hồ sơ xin cho H1 đi nghĩa vụ quân sự. V tiếp tục đưa ra thông tin với bà H là xin việc làm cho H1 tại Công ty Đ thuộc Khu Công nghiệp Đ, thành phố V. Từ đó, bà H lại tiếp tục đưa cho V số tiền 7.500.000 đồng để xin việc cho H1. Tổng số tiền V chiếm đoạt của bà H là 78.500.000 đồng (gồm các khoản: lo giảm án cho H1 24.000.000 đồng; lo xin việc cho H1 54.500.000 đồng).

Đến khi Lê Phạm T2, Lương Nhân H1 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm thì bà P và bà H mới biết bị V lừa đảo. Bà H nhiều lần yêu cầu V trả lại số tiền đã nhận của bà nhưng V trốn tránh và tiếp tục đưa ra các thông tin gian dối nhắn tin qua ứng dụng Zalo cho bà H. Việc V nhận tiền của bà H, bà H đã tổng hợp lại và gửi qua Zalo cho V, V đã xác nhận đúng thời gian, số tiền đã nhận của bà H2.

Bản kết luận giám định số 08/KL-KTHS-TL ngày 07-02-2023 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Hoàng V trên mẫu cần giám định; ký hiệu từ A1 đến A4 (trừ chữ ký ở vị trí dưới chữ viết "ngày 24/12/2020" trên mẫu cần giám định ký hiệu A4) so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Hoàng V trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người ký, viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký ở vị trí dưới chữ viết "ngày 24/12/2020" trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị Hoàng V trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 có phải do cùng một người ký ra hay không.

Ngoài ra, V còn vay của bà H số tiền 14.700.000 đồng nhưng đến nay V vẫn chưa trả cho bà H.

Ông Trương Doãn M xác định Nguyễn Thị Hoàng V đã trả lại toàn bộ số tiền ông đưa V, nên Cơ quan điều tra không xử lý Nguyễn Thị Hoàng V trách nhiệm hình sự về hành vi nhận tiền của ông M.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Hoàng V khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại như đã nêu trên. Sau khi chiếm đoạt tiền của bà P và bà H, V không thực hiện bất kỳ công việc gì như đã hứa với bà P, bà H mà sử dụng toàn bộ số tiền trên tiêu xài cá nhân hết.

Bản cáo trạng số 149/CT-VKS ngày 25-05-2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố Nguyễn Thị Hoàng V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b, g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo mức án từ 09 đến 10 năm tù giam.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố V và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo xác định trong khoảng thời gian từ tháng 01-2021 đến tháng 07-2021; bị cáo đã lợi dụng lòng tin của những người bị hại, sử dụng thủ đoạn gian dối đưa ra những thông tin giả nhằm mục đích khiến cho những người bị hại tin tưởng nên đã tự nguyện giao tiền cho bị cáo để bị cáo giúp các bị hại thực hiện những hành vi trái pháp luật. Nhưng sau khi nhận được tài sản từ bị hại, bị cáo không thực hiện mọi việc như lời hứa mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền tiêu xài cá nhân. Trong đó bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của bà P số tiền 275.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà H số tiền 78.500.000 đồng, tổng cộng là 353.500.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các đương sự trong vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa. Ý thức chủ quan của bị cáo nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước khi nhận tiền của các bị hại. Vì vậy, hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự .

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại quyền sở hữu tài sản công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương; ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, uy tín của những người tiến hành tố tụng và các cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm tương ứng với hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần; mỗi lần chiếm đoạt tài sản đều trị giá từ 2.000.000đ trở lên; bị cáo không có nghề nghiệp, đều lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với bị cáo quy định tại điểm b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Phạm Thị Mai P yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 275.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt 78.500.000 đồng. Số tiền 14.700.000 đồng mà V đã vay của bà H, bà H không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- Tại phiên toà, bị cáo đồng ý trả bà Phạm Thị Mai P số tiền 275.000.000 đồng; trả bà Nguyễn Thị H số tiền 78.500.000 đồng, cam kết khi chấp hành án xong sẽ trả toàn bộ số tiền cho các bị hại.

Xét yêu cầu của các đương sự có căn cứ, sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và các đương sự đúng quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận này.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (5% giá trị tài sản phải bồi thường).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Hoàng V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" .

2. Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt: Nguyễn Thị Hoàng V 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 12 năm 2022.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Nguyễn Thị Hoàng V có nghĩa vụ trả bà Phạm Thị Mai P số tiền 275.000.000đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng); có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị H số tiền 78.500.000 đồng (bảy mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, phải nộp 17.675.000 đồng (mười bảy triệu sáu trăm bảy lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Thanh Hảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Công an TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.